

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 182/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2017
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.
2. Bà Trần Thị Đồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 522/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 93/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Ngọc C, sinh năm 1986 (có mặt).
 2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1982 (vắng mặt)
- Địa chỉ: cả hai cùng địa chỉ ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2017 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Trịnh Ngọc C trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Minh K cưới nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Ông K ăn chơi, không quan tâm vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông K vẫn không thay đổi tính tình. Ông bà vẫn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm và sau đó ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà xin ly hôn với ông K.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cả hai có 02 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/12/2004 và Nguyễn Ngọc Tiểu T, sinh ngày 12/12/2012. Khi ly hôn, bà xin được quyền nuôi hai con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh K trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà C về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà C trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây hay xảy ra mâu thuẫn do vấn đề tài chính trong gia đình. Vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, chưa ly thân với nhau. Nay bà C xin ly hôn, ông không đồng ý, ông xin hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để cùng lo cho con chung.

Con chung: Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/12/2004 và Nguyễn Ngọc Tiểu T, sinh ngày 12/12/2012. Nếu Tòa án cho ly hôn, ông xin giao hai con cho bà C nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đơn sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về hôn nhân: Bà C và ông K cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/12/2004 (số 223/2004, quyển số 02/2004) nên quan hệ hôn nhân của bà C và ông K được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà C cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông K ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con nên mới xin ly hôn. Ông K được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cũng như tại biên bản tự khai của ông K, ông không đồng ý ly hôn, ông còn thương vợ con muốn hàn gắn với bà C nhưng ông không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho ông mặc dù ông đã nhận được các văn bản của Tòa án, điều này chứng tỏ rằng ông không còn quan tâm đến vợ con nên lời trình bày của ông K không được xem xét. Ngoài ra, tại phiên tòa bà C xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông K và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu của bà C đối với ông K.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/12/2004 và Nguyễn Ngọc Tiểu T, sinh ngày 12/12/2012. Và không yêu cầu ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn giữa bà C và ông K đã tự nguyện thỏa thuận với nhau. Xét sự thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng giữa bà C và ông K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, cháu C trên 7 tuổi có nguyện vọng sống với bà C nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Trịnh Ngọc C với ông Nguyễn Minh K về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[4] Tài sản chung: Bà Trịnh Ngọc C và ông Nguyễn Minh K thống nhất tự thỏa thuận, không có nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Ngọc C và ông Nguyễn Minh K thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Ngọc C đối với ông Nguyễn Minh K.

Bà Trịnh Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Minh K.

Về quyền nuôi con chung: Bà Trịnh Ngọc C được quyền tiếp tục nuôi hai con tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 05/12/2004 và Nguyễn Ngọc Tiểu T, sinh ngày 12/12/2012, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà C không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trịnh Ngọc C và ông Nguyễn Minh K thống nhất xác định, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trịnh Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000650 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã đương sự.
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài